

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 708/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trịnh Thị Mỹ Huệ
- Bà Hồ Thị Thanh Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2387/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1487/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2538/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bàn Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện X (nay là xã B), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Minh T1, sinh năm 1989

Địa chỉ: số A Đường số E, Khu phố G, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bàn Thị T và ông Lê Minh T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 10/4/2017. Vợ chồng chung

sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hòa hợp về cách sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Ông T1 thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ con, không cùng bà chăm sóc nuôi dạy con cái. Mọi thu nhập của ông T1 đều sử dụng cho mục đích cá nhân, không cùng bà tạo lập kinh tế gia đình. Bà nhiều lần nói chuyện với ông T1, nhưng không có kết quả. Tháng 8 năm 2023 mâu thuẫn càng tăng nên vợ chồng sống riêng. Do vợ chồng không còn tôn trọng nhau và không có khả năng hàn gắn tình cảm xây dựng hạnh phúc gia đình nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Minh T1.

- Về con chung: có hai con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 20/8/2017 và Lê Kim T2, sinh ngày 19/4/2020. Sau khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Minh H. Giao con Lê Kim T2 cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà và ông T1 không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Minh T1 : Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập ông T1 đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của ông T1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Bàn Thị T được ly hôn ông Lê Minh T1; Giao con chung Lê Kim T2, sinh ngày 19/4/2020 cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Lê Minh H, sinh ngày 20/8/2017 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Minh T1 cư trú tại địa chỉ số A Đường số E, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện, bà Bàn Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Minh T1, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Minh T1: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 05/9/2025 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Bàn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 10/4/2017 của Ủy ban nhân dân phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bàn Thị T và ông Lê Minh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông T1 vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông T1 đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã xảy ra những mâu thuẫn do vợ chồng không có sự hòa hợp, thống nhất. Đến nay vợ chồng không còn gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên bà T xác định không còn khả năng xây dựng hạnh phúc gia đình. Bà T yêu cầu ly hôn nhưng ông T1 vắng mặt, không có ý kiến thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ lời khai của bà T phù hợp với trích lục khai sinh số 1036/TLKS-BS ngày 21/9/2017; trích lục giấy khai sinh số 574/TLKS-BS ngày

18/6/2020 của Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đủ căn cứ xác định bà T và ông T1 có hai người con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 20/8/2017 và Lê Kim T2, sinh ngày 19/4/2020. Bà T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Minh H và đồng ý giao con Lê Kim T2 cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì con đang sống chung với ông T1. Ông T1 vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con. Căn cứ yêu cầu của bà T phù hợp với thực tế nên cần giao con Lê Minh H cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Lê Kim T2 cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để bảo đảm quyền lợi của con cũng như sự ổn định về tinh thần, tâm lý của con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà T phải chịu.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bàn Thị T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bàn Thị T được ly hôn với ông Lê Minh T1.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 10/4/2017 của Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 20/8/2017 cho bà Bàn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao con chung tên Lê Kim T2, sinh ngày 19/4/2020 cho ông Lê Minh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Bà T, ông T1 không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bàn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0044438 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND KV2-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- UBND P. L, TP . HCM;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu